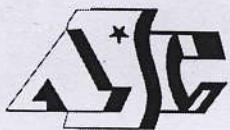




BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
AUDITED FINANCIAL STATEMENTS

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẨY BẨY

*Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005*



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

*Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005*

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN : CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
(AASC) CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ 577
01 Nguyễn Văn Đậu – Phường 5 – Quận Phú Nhuận – TP.HCM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

NỘI DUNG

	Trang
1 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	03 - 04
2 BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05 - 06
3 BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	07 - 10
Kết quả hoạt động kinh doanh	11 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công Ty Cổ PhẦn ĐẦU TƯ NĂM BÂY BÂY (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2005 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005.

Công Ty Cổ PhẦn ĐẦU TƯ NĂM BÂY BÂY - là một đơn vị thành viên của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5 – được thành lập theo “Nghị Quyết số 1584/NQ-HĐQT ngày 26/5/2006 về việc góp vốn đầu tư để thành lập Công ty Cổ PhẦn ĐẦU TƯ NĂM BÂY BÂY” và “Quyết định số 3666/QĐ-HĐQT ngày 12/8/2006 về việc chuyển giao nguyên trạng Nguồn vốn, tài sản, công nợ, thiết bị, cán bộ, công nhân lao động, các hợp đồng kinh tế và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đang thực hiện của Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5 tại Bình Thuận sang Công ty Cổ phẦn ĐẦU TƯ NĂM BÂY BÂY” của Hội Đồng Quản Trị Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103003556 ngày 04/7/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp:

- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là môi giới bất động sản; kinh doanh nhà; xây dựng công trình giao thông, thủy điện; nhiệt điện.; san lấp mặt bằng; xây dựng công trình dân dụng; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; dịch vụ du lịch, ăn uống; cho thuê máy móc...
- Vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đến ngày lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông	ĐOÀN TƯỜNG TRIỆU	Chủ tịch
Ông	LÊ QUANG PHÚC	Thành viên
Bà	NGUYỄN THỊ CÁT TIỀN	Thành viên
Bà	VÕ DƯ NGỌC TRÂN	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BÁY BÁY
01 Nguyễn Văn Đậu – Phường 5 – Quận Phú Nhuận – TP.HCM

Ban giám đốc

Ông	ĐOÀN TƯỜNG TRIỆU	Giám đốc
Ông	NGUYỄN VIẾT NAM ANH	Phó Giám đốc
Ông	LÝ TẤN KHOA	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính năm 2005 được kiểm toán bởi Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) - Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2005, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 25 tháng 3 năm 2006
TM BAN GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
Đoàn Tường Triệu



Số 215. BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm tài chính 2005 kết thúc vào ngày 31/12/2005
của Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy

Kính gửi : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ;

BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty Cổ Phân Đầu Tư Năm Bảy Bảy được lập ngày 25 tháng 3 năm 2006 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính 2005 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 được trình bày từ trang 07 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận, nếu có), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán:

Do chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán sau ngày kết thúc niên độ nên chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tại ngày 31/12/2005, cũng như không đủ điều kiện thực hiện các thủ tục thay thế hữu hiệu khác nên các biên bản kiểm kê quỹ, kiểm kê TSCĐ, kiểm kê hàng tồn kho chúng tôi căn cứ theo tài liệu công ty cung cấp.

Trong năm 2005, Công ty đã tạm trích một khoản chi phí là 929.755.135 đồng để tính giá thành công trình xây lắp (khối lượng đã được chủ đầu tư nghiệm thu và Công ty đã xuất hóa đơn) các chứng từ liên quan đến những khoản chi phí này Công ty sẽ ghi nhận bổ sung vào năm tài chính tiếp theo.

Công ty đã thực hiện Quyết định số 3666/QĐ-HDQT ngày 12/8/2005 của Hội Đồng Quản Trị Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5 về việc "chuyển giao nguyên trạng Nguồn vốn, tài sản, công nợ, thiết bị, cán bộ, công nhân lao động, các hợp đồng kinh tế và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đang thực hiện của Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5 tại Bình Thuận sang Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy". Theo ý kiến chúng tôi, giá trị nhận bàn giao nêu trên có thể bị điều chỉnh bởi các cơ quan chức năng và qua đó có thể ảnh hưởng đến số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2005 của Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy.

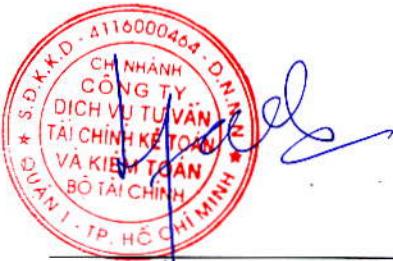
Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng (nếu có), Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY** tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính 2005, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP HCM, ngày 28 tháng 9 năm 2006

**CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)
CHI NHÁNH TP.HỒ CHÍ MINH**

Giám đốc



TẠ QUANG TẠO
Chứng chỉ KTV số 0055/KTV

Kiểm Toán Viên

NGUYỄN VŨ
Chứng chỉ KTV số 0699/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Từ ngày 14/07/2005 đến ngày 31/12/2005

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		266.600.973.495	-
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.125.588.797	-
1. Tiền	111	1	4.125.588.797	
2. Các khoản tương đương tiền	112	1		
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121	11		
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu	130		4.175.753.958	-
1. Phải thu của khách hàng	131	2	1.958.961.859	
2. Trả trước cho người bán	132		753.040.000	
3. Phải thu nội bộ	133	2		
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134	2		
5. Các khoản phải thu khác	138	2	1.463.752.099	
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	2		
IV. Hàng tồn kho	140		253.929.523.851	-
1. Hàng tồn kho	141	3	253.929.523.851	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.370.106.889	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.954.969.051	
2. Các khoản thuế phải thu	152	4	415.137.838	
3. Tài sản ngắn hạn khác	158			

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BÂY BÂY

Số 01 Nguyễn Văn Đậu - Phường 5 - Quận Phú Nhuận - TP.HCM

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.807.665.841	-
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Phải thu nội bộ dài hạn	212			
3. Phải thu dài hạn khác	213	5		
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		9.909.106.116	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	8.260.918.116	-
- Nguyên giá	222		9.298.977.660	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.038.059.544)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	7	-	
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	1.648.188.000	-
- Nguyên giá	228		1.648.188.000	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9		
III. Bất động sản đầu tư	240	10	-	-
1. Nguyên giá	241			
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	1.869.110.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.869.110.000	
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		29.449.725	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		29.449.725	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		278.408.639.336	-



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẨY BẨY

Số 01 Nguyễn Văn Đậu - Phường 5 - Quận Phú Nhuận - TP.HCM

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		269.445.836.530	-
I. Nợ ngắn hạn	310		174.584.132.562	-
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14		
2. Phải trả cho người bán	312	15	91.459.430.986	
3. Người mua trả tiền trước	313	15	500.000.000	
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	16	27.496.245	
5. Phải trả cho công nhân viên	315		46.234.344	
6. Chi phí phải trả	316	17		
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	82.550.970.987	
II. Nợ dài hạn	320		94.861.703.968	-
1. Phải trả dài hạn người bán	321			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322	19	94.861.703.968	
3. Phải trả dài hạn khác	323			
4. Vay và nợ dài hạn	324			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325			
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		8.962.802.806	-
I. Vốn chủ sở hữu	410		10.239.121.243	-
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	10.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21		
3. Cổ phiếu ngân quỹ	413	21		
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	414	21		
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415	21		
6. Quỹ đầu tư phát triển	416	21		
7. Quỹ dự phòng tài chính	417	21		
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418	21		
9. Lợi nhuận chưa phân phối	419	21	239.121.243	
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	420		(1.276.318.437)	-
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	421		(1.276.318.437)	
2. Nguồn kinh phí	422			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	423			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		278.408.639.336	-

Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại				
6. Dự toán chi hoạt động				
7. Nguồn khấu hao cơ bản hiện có			1.038.059.544	

Ngày 25 tháng 03 năm 2006

Người lập biểu


Trần Định Trung

Kế toán trưởng


KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Thị Anh Thảo

Giám đốc




GIÁM ĐỐC
Trần Cường Triều

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2005

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	4.333.757.897	-
2. Các khoản giảm trừ	03	24	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	24	4.333.757.897	-
4. Giá vốn hàng bán	11	25	4.157.794.346	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	-	175.963.551	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	30.206.913	-
7. Chi phí tài chính	22	26	1.347.900	-
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	-	83.831.892	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	-	120.990.672	-
11. Thu nhập khác	31	-	5.167.702	-
12. Chi phí khác	32	-	-	-
13. Lợi nhuận khác	40	-	5.167.702	-
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50	-	126.158.375	-
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	51	28	36.500.345	-
16. Lợi nhuận sau thuế	60	28	89.658.030	-

Ngày 25 tháng 03 năm 2006

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Trần Đại Trung


KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Thị Anh Thúy




GIAM ĐỐC
Đoàn Tường Triệu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2005

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		6.181.471.000	
2. Tiền chi trả cho người cung cấp dịch vụ và hàng hóa	2		(6.391.155.930)	
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(380.613.246)	
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(1.347.900)	
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(9.800.000)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		25.018.000.047	
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(19.298.676.774)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		5.117.877.197	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.123.178.400)	
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.869.110.000)	
6. Tiền thu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(10.992.288.400)	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		10.000.000.000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		10.000.000.000	
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		4.125.588.797	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60			
Ảnh hưởng đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		4.125.588.797	

Ngày 25 tháng 03 năm 2006

Người lập biểu

Thanh Đức Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Anh Thư
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính 2005 kết thúc tại ngày 31/12/2005

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công Ty Cổ PhẦn Đầu Tư Năm Bảy Bảy - là một đơn vị thành viên của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5 – được thành lập theo “Nghị Quyết số 1584/NQ-HĐQT ngày 26/5/2006 về việc góp vốn đầu tư để thành lập Công ty Cổ PhẦn Đầu tư Năm Bảy Bảy” và “Quyết định số 3666/QĐ-HĐQT ngày 12/8/2006 về việc chuyển giao nguyên trạng Nguồn vốn, tài sản, công nợ, thiết bị, cán bộ, công nhân lao động, các hợp đồng kinh tế và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đang thực hiện của Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5 tại Bình Thuận sang Công ty Cổ phẦn Đầu tư Năm Bảy Bảy” của Hội Đồng Quản Trị Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phẦn số 4103003556 ngày 04/7/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp thì:

- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là môi giới bất động sản.; kinh doanh nhà; xây dựng công trình giao thông, thủy điện; nhiệt điện.; san lấp mặt bằng; xây dựng công trình dân dụng; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; dịch vụ du lịch, ăn uống; cho thuê máy móc...
- Vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Niên độ kế toán đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 14/7/2005 đến 31/12/2005.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 1141/TC/QĐ/CDKT ngày 01/11/1995, Quyết định số 167/2000/QĐ-BTC ngày 25/10/2000, Thông tư số 89/2002/TT-BTC ngày 29/10/2002 của Bộ Tài Chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Trong năm 2005 Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn theo chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

1.1. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

2.1. Nguyên tắc định giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình biến đổi nguyên vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đến thời điểm ngày 31/12/2005 Công ty không phát sinh trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

4. Nguyên tắc xác định các khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:

4.1 Khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng là giá trị khoản phải thu đã phát hành hóa đơn tại thời điểm báo cáo, hợp đồng xây dựng đã ký quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch. Trong năm 2005 Công ty không áp dụng phải thu theo tiến độ kế hoạch mà xác định giá trị phải thu của các hợp đồng xây dựng theo giá trị nghiệm thu xác định khối lượng, giá trị giữa các bên liên quan.

4.2 Khoản phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng là giá trị khoản phải trả đã nhận được hóa đơn tại thời điểm báo cáo của nhà thầu, khi hợp đồng xây dựng đã ký quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch. Trong năm 2005 Công ty không áp dụng phải trả theo tiến độ kế hoạch mà xác định giá trị phải trả của các hợp đồng xây dựng theo giá trị nghiệm thu xác định khối lượng, giá trị giữa các bên liên quan.

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Giá trị còn lại của TSCĐ được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được xác định theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài Chính.

6. Hợp đồng thuê tài chính:

7. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

8. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:

8.1 Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay: Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BÁY BÁY
01 Nguyễn Văn Đậu – Phường 5 – Quận Phú Nhuận – TP.HCM

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hóa.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

8.2 Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ:

Lãi vay để thực hiện dự án Phan Thiết được đưa vào vốn hóa dự án 100%.

8.3 Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác:

8.3.1 Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp tài sản cố định trong kỳ được vốn hóa vào tài sản cố định đang được đầu tư hoặc cải tạo, nâng cấp đó.

8.3.2 Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp tài sản cố định trong kỳ được vốn hóa vào tài sản cố định đang được đầu tư hoặc cải tạo, nâng cấp đó.

8.4 Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8.5 Phương pháp phân bổ lợi thế thương mại:

9. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai:

9.1 Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu: Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

9.2 Nguyên tắc kế toán chi phí triển khai: Chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

10. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

10.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

10.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”

Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn

Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

10.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: Các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”

Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn

Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

10.4 Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

11. Kế toán các hoạt động liên doanh:

11.1 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát: Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

11.2 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

12. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chở xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

13. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch đối với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Đối với những tài sản cố định đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích theo tỷ lệ 1% đến 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Trong năm Công ty không phát sinh trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

14. Ghi nhận chi phí trả trước:

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẨY BẨY
01 Nguyễn Văn Đậu – Phường 5 – Quận Phú Nhuận – TP.HCM

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động / chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

15. Ghi nhận các trái phiếu có thể chuyển đổi:

Trái phiếu chuyển đổi do Công ty phát hành được ghi nhận là một khoản nợ. Nó chỉ được ghi nhận là vốn chủ sở hữu khi thực sự được chuyển thành cổ phần của Công ty.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái:

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được trình bày tại mục 1.2 nêu trên.

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái không phát sinh.

17. Nguồn vốn chủ sở hữu:

17.1 Cổ phiếu mua lại: Cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại là Cổ phiếu ngân quỹ của Công ty. Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

17.2 Ghi nhận cổ tức: Cổ tức phải trả cho cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

17.3 Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được Hội đồng Quản trị phê duyệt trích các quỹ theo điều lệ Công ty và theo các quy định pháp luật hiện hành.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

18.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BÂY BÂY
01 Nguyễn Văn Đậu – Phường 5 – Quận Phú Nhuận – TP.HCM

Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

18.2 *Doanh thu cung cấp dịch vụ* được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu đó được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

18.3 *Doanh thu hoạt động tài chính*: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng

19.1 *Doanh thu*: Xác định phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu. Cụ thể là Doanh thu của hoạt động xây lắp được ghi nhận theo nghiệm thu xác nhận khối lượng, giá trị giữa các bên liên quan (xác nhận A-B)

19.1 *Chi phí*: Chi phí của hoạt động xây lắp được xác định căn cứ vào chi phí thực tế phát sinh và phân bổ theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẨY BẨY

Số 01 Nguyễn Văn Đậu - Phường 5 - Quận Phú Nhuận - TP.HCM



1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt

Tiền gửi ngân hàng

Tiền đang chuyển

Công

Đơn vị tính: VND
Năm nay
1.235.167.823

2.890.420.974

4.125.588.797

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

Năm nay

1. Phải thu khách hàng	1.958.961.859
2. Trả trước cho người bán	753.040.000
3. Phải thu nội bộ	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-
5. Phải thu khác	1.463.752.099
+ Tạm ứng	571.084.229
+ Tài sản thiếu chờ xử lý	-
+ Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	32.667.870
+ Phải thu khác	860.000.000
6. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	-
Công	4.175.753.958

3. Hàng tồn kho

Năm nay

Giá gốc của hàng tồn kho

- Hàng mua đang đi đường	-
- Nguyên liệu, vật liệu	69.253.768
- Công cụ, dụng cụ	107.563.831
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	253.752.706.252
- Thành phẩm	-
- Hàng hoá	-
- Hàng gởi bán	-

Tổng cộng

253.929.523.851

4. Các khoản thuế phải thu

Năm nay

- Thuế GTGT còn được khấu trừ	415.137.838
- Các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước	-

Công

415.137.838

5. Các khoản phải thu dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẨY BẨY

Số 01 Nguyễn Văn Đậu - Phường 5 - Quận Phú Nhuận - TP.HCM

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Công
I- Nguyên giá TSCĐ					
1- Số dư đầu năm					
2- Số tăng trong năm	7.441.812.000	1.113.551.667	463.997.636	279.616.357	9.298.977.660
Bao gồm: - Mua sắm mới	7.441.812.000			138.191.840	7.580.003.840
- Xây dựng mới					
- Tăng khác		1.113.551.667	463.997.636	141.424.517	1.718.973.820
3- Số giảm trong năm					
Bao gồm: - Thanh lý					
- Nhượng bán					
- Chuyển sang BDS đầu tư					
- Giảm khác					
4- Số dư cuối năm	7.441.812.000	1.113.551.667	463.997.636	279.616.357	9.298.977.660
II- Giá trị đã hao mòn					
1- Số dư đầu năm					
2- Khấu hao trong năm	93.022.650	619.587.028	279.898.616	45.551.250	1.038.059.544
3- Giảm trong kỳ					
Bao gồm: - Chuyển sang BDS đầu tư					
- Thanh lý nhượng bán					
- Giảm khác					
4- Số dư cuối năm	93.022.650	619.587.028	279.898.616	45.551.250	1.038.059.544
III- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
1- Tại ngày đầu năm					
2- Tại ngày cuối năm	7.348.789.350	493.964.639	184.099.020	234.065.107	8.260.918.116

7. Tài sản cố định thuê tài chính

8. Tăng, giảm TSCĐ vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Công
I- Nguyên giá TSCĐ vô hình		
1- Số dư đầu năm		
2- Số tăng trong năm	1.648.188.000	1.648.188.000
Bao gồm: - Mua trong năm	1.648.188.000	1.648.188.000
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-
- Tăng khác	-	-
3- Số giảm trong năm		
Bao gồm: - Thanh lý, nhượng bán	-	-
4- Số dư cuối năm	1.648.188.000	1.648.188.000
II- Giá trị đã hao mòn		
1- Số dư đầu năm		
2- Khấu hao trong năm		
3- Thanh lý nhượng bán		
4- Giảm khác		
5- Số dư cuối năm		
III- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
1- Tại ngày đầu năm		
2- Tại ngày cuối năm	1.648.188.000	1.648.188.000

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

11. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn

11.1. Đầu tư tài chính ngắn hạn

11.2. Đầu tư tài chính dài hạn Năm nay

- Đầu tư vào công ty con	
- Đầu tư vào công ty liên kết	
- Đầu tư dài hạn khác:	
+ Đầu tư chứng khoán dài hạn	1.869.110.000
+ Cho vay dài hạn	
+ Đầu tư dài hạn khác	
- Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	
- Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	
Cộng (11.1) + (11.2)	1.869.110.000

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm nay
- Số dư đầu năm	
- Tăng trong năm	29.449.725
- Đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	
- Giảm khác	
- Số dư cuối năm	29.449.725

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả:

14. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

15. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Năm nay
- Phải trả người bán	91.459.430.986
- Người mua trả tiền trước	500.000.000
Cộng	91.959.430.986

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Năm nay
16.1 Thuế phải nộp Nhà nước	27.496.245
- Thuế GTGT	
- Thuế xuất, nhập khẩu	
- Thuế TNDN	26.700.345
- Thuế tài nguyên	795.900
- Các loại thuế khác	
16.2 Các khoản phải nộp khác	27.496.245
Cộng	27.496.245

17. Chi phí phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BÂY BÂY
Số 01 Nguyễn Văn Đậu - Phường 5 - Quận Phú Nhuận - TP.HCM

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Năm nay</u>
- Tài sản thừa chờ xử lý	689.286
- Bảo hiểm y tế	4.578.948
- Bảo hiểm xã hội	1.403.227
- Kinh phí công đoàn	82.544.299.526
- Doanh thu chưa thực hiện	2.490.150.212
- Quỹ quản lý của cấp trên	65.500
- Cổ tức phải trả	72.964.352.750
- Các khoản phải nộp khác	7.089.731.064
<i>Tạm ứng giao khoán nội bộ</i>	<i>82.550.970.987</i>
<i>Tạm ứng khác</i>	<i>94.861.703.968</i>
<i>Nhận tiền đặt cọc - góp vốn để mua nhà của khách hàng</i>	<i>94.861.703.968</i>
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	<i>94.861.703.968</i>
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>94.861.703.968</i>
Công	94.861.703.968

19. Phải trả dài hạn nội bộ

Là khoản phải trả Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5



20. Các khoản vay và nợ dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẨY BẨY
Số 01 Nguyễn Văn Đậu - Phường 5 - Quận Phú Nhuận - TP.HCM

21. Vốn chủ sở hữu

21.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đổi	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
- Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng năm nay									
- Tăng vốn năm nay	10.000.000.000								89.658.030
- Lợi nhuận tăng trong năm									148.287.214
- Tăng do điều chuyển									
Số dư cuối năm nay	10.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	237.945.244

21.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Năm nay		
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi
Vốn đầu tư của nhà nước	5.100.000.000	5.100.000.000	
Vốn góp (cổ đông thành viên là cá nhân)	4.900.000.000	4.900.000.000	
Thặng dư vốn cổ phần			
Cổ phiếu ngân quỹ (*)			
Cộng	10.000.000.000	10.000.000.000	

(*) Giá trị trái phiếu đã chuyển đổi thành cổ phiếu trong năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẨY BẨY
Số 01 Nguyễn Văn Đậu - Phường 5 - Quận Phú Nhuận - TP.HCM

21.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận

	Năm nay
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu năm	
+ Vốn góp tăng trong năm	10.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	
+ Vốn góp cuối năm	
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	10.000.000.000

21.4. Cổ tức: Mức cổ tức sẽ được Đại Hội đồng Cổ đông quyết định

21.5. Cổ phiếu: Công ty phát hành cổ phiếu ghi danh

- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	
+ Cổ phiếu thường	
+ Cổ phiếu ưu đãi	1.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	
+ Cổ phiếu thường	
+ Cổ phiếu ưu đãi	
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	
+ Cổ phiếu thường	
+ Cổ phiếu ưu đãi	1.000.000

Mệnh giá cổ phiếu

10.000

21.6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

21.7. Mục đích của trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu



22. Nguồn kinh phí

23. Tài sản thuê ngoài

24. Doanh thu

Năm nay

24.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Tổng doanh thu

+ Doanh thu bán hàng

+ Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Các khoản giảm trừ doanh thu

+ Chiết khấu thương mại

+ Giảm giá hàng bán

+ Hàng bán bị trả lại

+ Thuế GTGT phải nộp (trực tiếp)

+ Thuế TTĐB

+ Thuế xuất khẩu

- Doanh thu thuần

Trong đó:

+ Doanh thu thuần trao đổi hàng hóa

+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ

24.2. Doanh thu hoạt động tài chính

30.206.913

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay

30.206.913

- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu

- Cổ tức lợi nhuận được chia

- Lãi bán ngoại tệ

- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá

- Lãi bán hàng trả chậm

- Doanh thu hoạt động tài chính khác

24.3. Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ	4.333.757.897
- Tổng Doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận	4.333.757.897
- Số tiền còn phải trả cho khách hàng liên quan đến hợp đồng xây dựng	330.734.786
- Số tiền còn phải thu của khách hàng liên quan đến hợp đồng xây dựng	1.958.961.859

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BAY BAY
Số 01 Nguyễn Văn Đậu - Phường 5 - Quận Phú Nhuận - TP.HCM

25. Giá vốn hàng bán

	Năm nay
- Giá vốn của thành phẩm xấp lấp cung cấp	4.157.794.346
- Giá vốn của hàng hoá đã cung cấp	-
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	<u>4.157.794.346</u>
Cộng	<u>4.157.794.346</u>

26. Chi phí tài chính

	Năm nay
- Chi phí hoạt động tài chính	1.347.900
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	-
- Lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ	<u>1.347.900</u>
Cộng	<u>1.347.900</u>

27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay
27.1. Chi phí nguyên vật liệu	2.910.230.175
27.2. Chi phí nhân công	562.565.896
27.3. Chi phí khấu hao TSCĐ	147.134.677
27.4. Chi phí dịch vụ mua ngoài	-
27.5. Chi phí khác bằng tiền	<u>976.902.913</u>
Cộng	<u>4.596.833.661</u>

28. Thuế TNDN phải nộp và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	Năm nay
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	126.158.375
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	4.200.000
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	130.358.375
- Thuế TNDN phải nộp	36.500.345
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	89.658.030

29. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ

VII. Những thông tin khác

1. Những khoản nợ ngẫu nhiên, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác (nếu có)

2. Thông tin so sánh

3. Những thông tin khác

3.1 Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

3.2 Số liệu so sánh

- Khoản phải trả khách hàng : 91.459.430.986 đồng, trong đó 91.105.156.200 đồng phải trả tiền sử dụng đất cho tỉnh
- Nhận ký cược ký quỹ: thu góp vốn của khách hàng đầu tư dự án tại Bình Thuận
- Lợi nhuận chưa phân phối 239.121.243 đồng, trong đó 90.834.030 đồng là lợi nhuận sau thuế và 149.463.213 lợi nhuận bàn giao Tổng Công ty.

Người lập biểu

NMC
Thân Duy Trung

Kế toán trưởng

✓
KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Thị Anh Thư

TP.HCM, ngày 25 tháng 03 năm 2006

Giám đốc



GIÁM ĐỐC
Đoàn Cường Triệu

CÁC LÃNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA AASC:

1. DỊCH VỤ KIỂM TOÁN:

- Kiểm toán các báo cáo tài chính.
- Kiểm toán hoạt động các dự án.
- Kiểm toán báo cáo quyết toán công trình xây dựng cơ bản.
- Kiểm toán xác định vốn góp liên doanh.
- Kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp

2. DỊCH VỤ KẾ TOÁN:

- Hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán - tài chính.
- Xây dựng các mô hình tổ chức bộ máy - tổ chức công tác kế toán.
- Mở, ghi sổ kế toán và lập các báo cáo tài chính.
- Lập hồ sơ đăng ký chế độ kế toán.

3. DỊCH VỤ TƯ VẤN:

- Tư vấn thuế.
- Hướng dẫn thủ tục đăng ký kinh doanh.
- Tư vấn về giá tài sản.
- Soạn thảo các phương án đầu tư.
- Tư vấn cổ phần hóa, sáp nhập và giải thể doanh nghiệp.

4. ĐÀO TẠO CÁN BỘ VÀ ỨNG DỤNG TIN HỌC

- Tổ chức các khóa bồi dưỡng kế toán trưởng bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán, kiểm toán nội bộ, quản trị doanh nghiệp, ứng dụng tin học trong công tác kế toán.
- Cung cấp và hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán.

WIDE RANGE OF AASC SERVICES:

1. AUDIT SERVICES:

- Audit of financial statements.
- Audit of project inputs and outputs.
- Audit of final accounts on construction work.
- Evaluation of assets used for capital contribution.
- Audit of assets evaluation for enterprise.

2. ACCOUNTING SERVICES:

- Guidance on the application of regulations on accounting and finance.
- Arrangements of the accounting apparatus, the organization of accounting works.
- Preparation of accounting records and financial statements.
- Registration of accounting systems.

3. FINANCIAL CONSULTANCY SERVICES

- Tax consultancy.
- Guidance on business registration.
- Advice on asset valuation.
- Preparation of investment projects.
- Advice on equitisation, merger and liquidation of business entities.

4. TRAINING AND INFORMATICS APPLICATION:

- Further training of chief accountants, courses in professional skills for accounting, internal controls, business in management, application of informatics in accountancy.
- Development and instruction for software packages for accounting purpose.